

B. Đọc hiểu văn bản

II. Bài thứ hai.

1. Đọc



Nhiệm vụ: Hai học sinh đọc văn bản
+ Nữ đọc lời hỏi
+ Nam đọc lời đáp

B. Đọc hiểu văn bản

II. Bài thứ hai.

2. Bố cục:

2 phần

**Phần đầu: Lời
người hỏi (cô gái)**

**Phần sau: Lời người
đáp (chàng trai)**

II. Bài thứ hai.

3. Thể loại:

Ca dao trữ tình VN



II. Bài thứ hai.

a. Lời người hỏi (Cô gái)

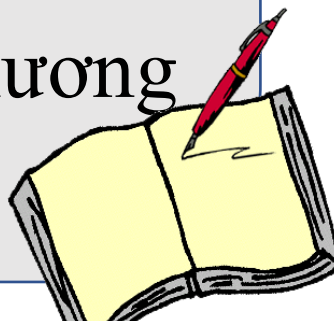
- Hỏi về tên sông, tên núi có độ cao và độ sâu nhất của nước ta.
- Cô gái thể hiện sự khéo léo trong cách hỏi.
- Sự hiểu biết sâu sắc về những địa danh của quê hương, đất nước.



II. Bài thứ hai.

b. Lời người đáp

- Chàng trai nhắc đến những địa danh trong câu trả lời: **núi Lam Sơn, sông Bạch Đằng.**
- Vì những địa danh này gắn liền với những chiến công lẫy lừng của cha ông ta trong cuộc chiến bảo vệ bờ cõi đất nước: ba lần phá tan quân xâm lược trên sông Bạch Đằng, cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn chiến thắng giặc Minh. Qua đó, đã thể hiện niềm tự hào và tình yêu với quê hương đất nước.



II. Bài thứ hai.

c. Ý nghĩa lời hỏi đáp hỏi đáp

- + Đây là một hình thức để trai gái thử tài nhau, đo độ hiểu biết về kiến thức địa lí, lịch sử, văn hoá...trong những cuộc hát đối đáp.
- + Người hỏi biết chọn những nét tiêu biểu của từng địa danh để hỏi, người đáp hiểu rất rõ và trả lời ý của người hỏi -> Từ đó để thể hiện chia sẻ ,vui chơi, giao lưu tình cảm.
- > Thể hiện sự yêu quý, tự hào về quê hương, đất nước.



II. Bài thứ hai.

c. Ý nghĩa lời hỏi đáp hỏi đáp

- Chàng trai cô gái cùng chung sự hiểu biết, cùng chung tình cảm với quê hương, đất nước. Đó là cơ sở và là cách để họ bày tỏ tình cảm với nhau.
- > Chàng trai, cô gái là những người sâu sắc, tế nhị.
- Hình ảnh chàng trai cô gái chính là sự hóa thân của tác giả dân gian. Tác giả dân gian thể hiện tình yêu quê hương, đất nước thường trực trong tâm hồn, sự tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước (trong đó có sự tự hào về lịch sử giữ nước của cha ông).



B. Đọc hiểu văn bản

III. Bài thứ ba.

1. Đọc.

Đọc rõ ràng,
rành mạch, biểu
cảm...



B. Đọc hiểu văn bản

III. Bài thứ ba.

2. Bố cục:

2 phần



**Vẻ đẹp của vùng đất Bình
Định.**

Tâm trạng của tác giả.

III. Bài thứ ba.

a. Vẻ đẹp của vùng đất Bình Định:

Núi Vọng Phu.



Đầm Thị Nại.



Cù lao Xanh.



Các món ăn truyền thống



III. Bài thứ ba.

a. Vẻ đẹp
của vùng
đất Bình
Định:

- Biện pháp tu từ liệt kê: *núi Vọng Phu, đầm Thị Nại, cù lao Xanh.*

Tác dụng: nhấn mạnh sự phong phú về các danh lam thắng cảnh, những nét đặc sắc về văn hóa vùng miền của mảnh đất thượng võ Bình Định. Qua đó làm nổi bật vẻ đẹp của quê hương Bình Định yêu dấu.



I. Bài thứ ba.

b. Tâm trạng tác giả

- Tự hào khi nói về mảnh đất Bình Định – vùng đất thượng tôn, thượng võ: lịch sử đấu tranh anh hùng (chiến công của nghĩa quân Tây Sơn ở đầm Thị Nại), lòng chung thủy, sắt son của người phụ nữ (núi Vọng Phu), của những món ăn dân dã đặc trưng nơi đây.



III. Bài thứ ba.

Thảo luận cặp đôi

*** Đặc điểm thể lục bát qua bài số 3:**

- Số tiếng:

+ Câu lục: 6 tiếng.

+ Câu bát: 8 tiếng.

- Cách gieo vần:

Tiếng thứ 6 của dòng lục (Phu) vần với tiếng thứ 6 của dòng bát (cù). Tương tự cho cặp lục bát thứ 2.

III. Bài thứ ba.

- **Ngắt nhịp:** Bài ca dao số 3 ngắt nhịp chẵn.

Câu lục 1: Trắc
(Định) – Trắc (núi)
– Bằng (Phu). Tuy
nhiên câu lục đầu
tiên thanh điệu
không tuân theo
luật bằng – trắc của
thể lục bát.

Câu bát 1:
Bằng (đằm) –
Trắc (Nại) –
Bằng (cù) – Bằng
(Xanh).

Câu lục 3:
Bằng (về) – Trắc
(Định) – Bằng
(anh).

Câu bát 4:
Bằng (ăn) – Trắc
(đỏ) – Bằng
(canh)
– Bằng (dừa). -
Tiếng ở vị trí
1,3,5,7 phối
thanh tự do.

IV. Bài thứ tư

1. Đọc.

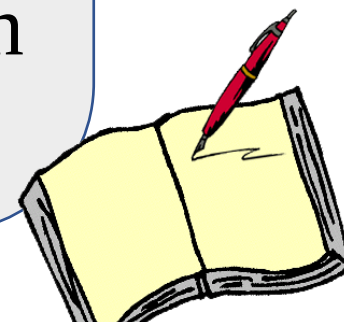
Đọc rõ ràng,
rành mạch, biểu
cảm...



IV. Bài thứ tư.

Vẻ đẹp vùng Tháp Mười.

- Tiếng gọi, lời mời mọi người về vùng Đồng Tháp Mười.
- Những hình ảnh “cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” thể hiện sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng
 - Thể hiện niềm tự hào về sự giàu có của thiên nhiên vùng Đồng Tháp Mười.



Sau hoạt động (Tổng kết)

Nội dung

- Ca ngợi vẻ đẹp của mọi miền quê hương, từ Bắc tới Nam....
- Tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước.
- Trách nhiệm xây dựng quê hương, đất nước ngày một giàu đẹp.

Nghệ thuật

- Thể thơ lục bát truyền thống.
- Những hình ảnh giàu sức biểu cảm.
- Sử dụng thành công các biện pháp tu từ để làm nổi bật vẻ đẹp của quê hương, đất nước.



C. LUYỆN TẬP

Phiếu học tập 02

Bài ca dao	Từ ngữ, hình ảnh độc đáo	Giải thích
1		
2		
3		
4		

C. LUYỆN TẬP VĂN BẢN

Bài ca dao	Từ ngữ, hình ảnh độc đáo	Giải thích
1	Phồn hoa thứ nhất Long Thành/ Phố giảng mắc cửi, đường quanh bàn cờ	Câu thơ gợi lên hình ảnh kinh thành Thăng Long đông đúc, nhộn nhịp, giàu có.
2	Sâu nhất là sông Bạch Đằng/ Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan.	Thể hiện được vẻ đẹp và niềm tự hào về lịch sử quê hương.
3	Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh.	Điệp từ “có”, biện pháp liệt kê thể hiện lòng tự hào về những cảnh đẹp quê hương gắn liền với lịch sử.
4	tôm sấm bắt, trời sấm ăn.	Thể hiện sự trù phú, giàu có của thiên nhiên ban tặng người dân Tháp Mười.